

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HTC HOLDING**

Số: 01/BCTN-CET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần HTC Holding
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104230142
- Vốn điều lệ: 60.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Việt Nam
- Số điện thoại: 0203 864617
- Số fax: 0203 864617
- Website: cetholding.vn
- Mã cổ phiếu: CET
- Quá trình hình thành và phát triển:

| Thời kỳ/ Giai đoạn | Sự kiện |
|--------------------|---|
| 28/10/2009 | Thành lập Công ty cổ phần Tech Vina |
| 01/08/2011 | Nhà máy sản xuất tinh dầu đầu tiên đi vào hoạt động |

| | |
|------------|---|
| 01/01/2016 | Xây dựng nhà máy tại Hà Nội |
| 28/07/2018 | Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội |
| 25/05/2021 | Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần HTC Holding |

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên
- Sản xuất nước hương liệu chưng cất
- Bán buôn nông sản (gạo)
- Bán buôn vật liệu xây dựng

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính: Các hoạt động chính bao gồm sản xuất, kinh doanh tinh dầu quế, sản xuất mùn cưa từ bã cành lá quế của hệ thống chiết xuất tinh dầu quế, hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (gạo), mặt hàng vật liệu xây dựng.

Hoạt động sản xuất, chế biến tinh dầu quế của Công ty được diễn ra tại nhà máy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cành quế, vỏ quế, lá quế được thu mua từ hơn 8,000 hộ nông dân trồng quế trong vùng nguyên liệu 5.000ha liên kết với công ty, sau đó vận chuyển về nhà máy sơ chế và đưa vào dây chuyền sản xuất, chế biến tinh dầu.

Sau gần 10 năm hoạt động trong ngành sản xuất tinh dầu và chất thơm tự nhiên. Hiện nay, Công ty cổ phần HTC Holding đã thiết lập quan hệ với một số bạn hàng thân thiết và ngày càng mở rộng phạm vi kinh doanh trên thị trường quốc tế.

Kể từ năm 2021, hoạt động kinh doanh của công ty được tái cấu trúc và có sự chuyên dịch, cơ cấu doanh thu hiện tại chiếm chủ yếu là hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản như lúa gạo. Nhằm mục đích mở rộng mặt hàng kinh doanh và quy mô doanh nghiệp, Công ty tiếp cận với lĩnh vực thương mại đa dạng các mặt hàng mới để tìm kiếm các cơ hội tiềm năng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;

- Tổng Giám đốc.

Ban điều hành (BDH):

| STT | Thành viên ban điều hành | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm thành viên BDH |
|-----|--------------------------|-------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1 | Đoàn Công Dũng | Tổng Giám đốc | Trung cấp luật | Bổ nhiệm ngày 16/10/2025 |
| 2 | Trần Thị Thảo Trang | Phó Tổng Giám đốc | Kỹ sư hóa thực phẩm | Bổ nhiệm ngày 07/07/2023 |
| 3 | Đỗ Tấn Hùng | Kế toán trưởng | Cử nhân tài chính doanh nghiệp | Bổ nhiệm ngày 15/10/2025 |

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

Trong kế hoạch dài hạn, Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường, sử dụng tối ưu nguồn lực con người và tài chính.

Về công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới bán hàng trong chuỗi cung ứng nông sản cụ thể là ngành gạo, giúp khách hàng tiếp cận tốt với các thông tin về Công ty như sản phẩm, quy trình chất lượng, năng lực cung ứng... Công ty tiếp cận các thị trường sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường, tìm kiếm khách hàng mới và nắm bắt hướng đi mới trên thị trường.

5. Các rủi ro:

- **Rủi ro chuỗi cung ứng:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu mua và kinh doanh các loại hàng mặt hàng gạo do đó các rủi ro liên quan đến hàng hóa đầu vào và thị trường tiêu thụ có tác động lớn đến công ty. Với tiềm lực tài chính và mức độ thâm nhập vào chuỗi cung ứng của công ty còn hạn chế, những biến động bất thường về giá cả hàng hóa hoặc những thay đổi trong chính sách mua, bán hàng hóa của nhà cung cấp, công ty thu mua sẽ rạo ra những rủi ro cho hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro kinh tế vĩ mô:**

Do người dùng cuối cùng của sản phẩm mà CET đang phân phối là ở các thị trường nước ngoài, đồng thời đây cũng là nhóm mặt hàng thiết yếu. Do đó các diễn biến tình hình kinh tế ảnh hưởng đến sức tiêu thụ, các căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến tình hình vận chuyển hàng hóa cũng là những rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động của Công ty. Ngoài ra, trong bối cảnh thị phần xuất khẩu gạo Thế giới gần như bị chi phối bởi một nhóm nhỏ các cường quốc nông nghiệp, do đó những biến động địa chính trị và chính sách xuất nhập khẩu của các Quốc gia này cũng là rủi ro đáng lo ngại.

- **Rủi ro pháp lý:**

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Đối với hoạt động kinh doanh cũng như việc Công ty hiện đang là doanh nghiệp niêm yết giao dịch ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty phải bám sát với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại,... và các chính sách, thủ tục hành chính liên quan của Nhà nước.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty liên tục phải cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cũng như tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

- **Rủi ro hệ thống:**

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng có khả năng xảy ra nhưng sẽ tác động tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đó là biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bệnh dịch, căng thẳng địa chính trị,...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

i. Thông tin ngành:

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, xuất khẩu gạo năm 2025 đạt 7,85 triệu tấn, trị giá 4,02 tỷ USD, giảm 12,7% về khối lượng và giảm 29,4% về giá trị so với năm 2024. Đây là mức giảm mạnh nhất trong ba năm qua, phản ánh bối cảnh thị trường thế giới dư cung, nhu cầu chững lại và cạnh tranh gia tăng, tuy nhiên so với giai đoạn từ năm 2022 trở về trước vẫn cao hơn đáng kể.

Không chỉ Việt Nam mà nhiều quốc gia sản xuất gạo hàng đầu khác cũng chứng kiến xuất khẩu sụt giảm mạnh trong năm 2025 do chịu tác động kép bởi giá gạo toàn cầu rơi xuống mức thấp nhất trong nhiều năm sau khi Ấn Độ dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế xuất khẩu, làm gia tăng nguồn cung trên thị trường quốc tế. Trong khi đó, nhu cầu suy yếu tại các nước tiêu thụ lớn, đặc biệt là Phillippines hay Indonesia.

ii. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch

| STT | Đơn vị | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|--------|--------------------|----------------|-----------------|---------------------------|
| 1 | Đồng | Doanh thu thuần | 55.253.454.306 | 20.839.150 | 0,04% |
| 2 | Đồng | Lợi nhuận sau thuế | 130.971.147 | (3.017.150.754) | - |

Kết quả kinh doanh giai đoạn 4 năm (2022-2025)

Đơn vị: 1.000 Đồng

| Chỉ tiêu | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2025/2024 (%) |
|----------------------|------------|------------|------------|-------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 97.793.150 | 93.726.779 | 85.209.344 | 20.839 | 0,02% |
| Giá vốn hàng bán | 95.980.400 | 89.621.680 | 80.550.160 | 0 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.261.727 | 143.375 | 190.811 | (3.017.033) | - |
| Lợi nhuận sau thuế | 992.767 | 111.578 | 65.111 | (3.017.150) | - |

Trong năm 2025, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, hạn chế nhận đơn hàng mới nên trong kỳ doanh thu của công ty chỉ đạt 20,8 triệu đồng trong khi cùng kỳ doanh thu năm 2024 là 85,2 tỷ đồng. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt mức 3,1 tỷ đồng, tăng từ 39.9% so với năm 2024 (2.2 tỷ đồng). Với các lí do trên, trong năm 2025, công ty lỗ sau thuế 3,02 tỷ đồng trong khi năm 2024 lãi 65,1 triệu đồng.

Trong năm 2025, thị trường lúa gạo chứng kiến sự sụt giảm về nhu cầu và cạnh tranh ngày càng gay gắt khi các thị trường xuất khẩu lớn như Ấn Độ dỡ bỏ các qui định hạn chế xuất khẩu. Công ty cũng đánh giá các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến biến động chênh lệch giữa giá mua hàng từ nhà cung cấp với giá bán cho khách hàng có thể dẫn tới những thiệt hại. Cụ thể, giá cả lúa gạo trong năm có những diễn biến bất thường với những đợt tăng giảm giá biên độ lớn trong thời gian ngắn và có độ lệch pha trong việc điều chỉnh giá giữa nhà cung cấp so với thị trường tiêu thụ, đồng thời ở thời điểm hiện tại Công ty chưa thể thực hiện việc chủ động tích trữ hàng hóa để tránh các rủi ro liên quan đến giá.

Do đó để tránh các tổn thất cho Công ty, Ban điều hành Công ty buộc phải hạn chế khá nhiều các đơn hàng và chỉ triển khai đối với những hợp đồng ở mức hòa vốn hoặc lãi nhẹ đối với những hợp đồng đồng đã hoàn tất đàm phán hoặc để giữ mối quan hệ làm ăn với những khách hàng quan trọng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| STT | Thành viên ban điều hành | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết* |
|-------------------------------------|--------------------------|--|--------------------------------|---------------------------|---|
| Danh sách Ban điều hành đương nhiệm | | | | | |
| 1 | Đoàn Công Dũng | Tổng Giám đốc | Trung cấp Luật | 16/10/2025 | 0 cổ phiếu |
| 2 | Trần Thị Thảo Trang | Phó Tổng Giám đốc | Kỹ sư hóa thực phẩm | 07/07/2023 | 0 cổ phiếu |
| 3 | Đỗ Tấn Hùng | Kế toán trưởng | Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp | 15/10/2025 | 0 cổ phiếu |
| Danh sách Ban điều hành miễn nhiệm | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quốc Phương | Tổng Giám đốc | Cử nhân Kinh tế đối ngoại | 15/10/2025 | 0 cổ phiếu |
| 2 | Trần Thị Thanh Nhân | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng | Cử nhân Kế toán | 16/07/2025 | 0 cổ phiếu |
| 3 | Trần Đăng Khoa | Tổng Giám đốc | Kỹ sư xây dựng cầu đường | 16/10/2025 | 332.800 cổ phiếu |
| 4 | Nguyễn Viết Đoàn | Kế toán trưởng | Cử nhân Kế toán | 16/07/2025 | 0 cổ phiếu |

*Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2025

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

| | |
|--|-----------------|
| | Nhân sự (người) |
|--|-----------------|

| | |
|------|---|
| Nam | 3 |
| Nữ | 3 |
| Tổng | 6 |

Chính sách đối với người lao động:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày. 05 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút. Công ty tuân thủ các chế độ trả lương, thời gian làm thêm giờ và công khai minh bạch chính sách chế độ với người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả. Cán bộ nhân viên được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí đầy đủ điều kiện văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực làm việc, phù hợp với môi trường làm việc của Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty lựa chọn kỹ năng nhằm đáp ứng được năng lực, trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc.

Đào tạo: Công ty hết sức chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực. Công ty tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ tay nghề, khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia các khóa học để nâng cao kiến thức chuyên môn nhằm ngày càng đáp ứng được yêu cầu công việc.

Chính sách lương thưởng:

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng,... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm Công ty tiến hành đánh giá, điều chỉnh lương cho toàn bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên phù hợp với những nỗ lực cống hiến của CBCNV, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.

Chính sách thưởng: nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật lao động cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của

bản thân người lao động cho Công ty. Định kì hàng tháng, hàng năm, căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lý.

Các chế độ chính sách khác đối với lao động

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV. Cùng với đó tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | % tăng giảm |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng tài sản ngắn hạn | 18.402.860.295 | 22.402.279.988 | 25.020.303.434 | 11,69% |
| Tổng tài sản dài hạn | 64.684.769.906 | 49.498.867.701 | 49.322.159.493 | -0,36% |
| Tổng nợ | 15.732.373.391 | 4.480.779.262 | 9.939.245.254 | 121,82% |
| Vốn chủ sở hữu | 67.355.256.810 | 67.420.368.427 | 64.403.217.673 | -4,48% |
| Tổng tài sản | 83.087.630.201 | 71.901.147.689 | 74.342.462.927 | 3,40% |
| Doanh thu thuần | 93.726.778.874 | 85.209.344.106 | 20.829.150 | -99,98% |
| Lợi nhuận gộp | 4.105.098.554 | 4.659.183.956 | 20.829.150 | -99,55% |
| Chi phí lãi vay | 676.578.629 | 722.631.153 | 0 | -100% |
| Lợi nhuận sau thuế | 111.578.480 | 65.111.617 | -3.017.033.154 | - |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 4,99 | 2,52 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 6,23% | 13,37% |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | 6,65% | 15,43% |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | 0,097% | - |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,091% | - |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần (Tại thời điểm 31/12/2025):

- Số cổ phần lưu hành: 6.050.000 cổ phần
- Số cổ phần phổ thông: 6.050.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 31/12/2025):

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-------------------------------|---|-------------------|------------------|------------------|----------------|------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông sáng lập/ cổ đông | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ đông lớn | 1.876.048 | 31,01 | 3 | 0 | 3 |
| | - Trong nước | 1.876.048 | 31,01 | 3 | 0 | 3 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Công đoàn Công ty | 0 | 0,00 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0,00 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0,00 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0,00 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | 0 | 0,00 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cổ đông khác | 4.173.952 | 68,99 | 351 | 4 | 347 |
| | - Trong nước | 4.164.522 | 68,83 | 343 | 0 | 343 |
| | - Nước ngoài | 9.430 | 0,16 | 8 | 4 | 4 |
| TỔNG CỘNG | | 6.050.000 | 100,00 | 354 | 4 | 350 |
| Trong đó: - Trong nước | | 6.040.570 | 99,84 | 346 | 0 | 346 |
| - Nước ngoài | | 9.430 | 0,16 | 8 | 4 | 4 |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)

Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Tháng 10/2009, vốn điều lệ khi thành lập là 3.000.000.000 đồng.
- Tháng 07/2013, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 10.000.000.000 đồng.
- Tháng 12/2015, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 55.000.000.000 đồng.
- Tháng 06/2018, vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 60.500.000.000 tỷ đồng.

d) Cổ phiếu quỹ (Tại 31/12/2025):

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025: Không phát sinh giao dịch

e) Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, thị trường lúa gạo chứng kiến sự sụt giảm về nhu cầu và cạnh tranh ngày càng gay gắt khi các thị trường xuất khẩu lớn như Ấn Độ dỡ bỏ các qui định hạn chế xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã tăng 19,4% trong năm 2025, đạt mức cao thứ hai trong lịch sử. Bên cạnh đó, giá gạo chịu áp lực giảm đáng kể so với mức cao đỉnh điểm của năm 2024 do tình trạng dư cung và nhu cầu nhập khẩu yếu từ các thị trường chính. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2025, giá gạo đạt khoảng 517,5 USD/tấn, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2024 và áp lực giảm giá tiếp tục duy trì đến cuối năm khi các nước cạnh tranh giải phóng hàng tồn kho.

Công ty cũng đánh giá các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến biến động chênh lệch giữa giá mua hàng từ nhà cung cấp với giá bán cho khách hàng có thể dẫn tới những thiệt hại. Cụ thể, giá cả lúa gạo trong năm có những diễn biến bất thường với những đợt tăng giảm giá biên độ lớn trong thời gian ngắn và có độ lệch pha trong việc điều chỉnh giá giữa nhà cung cấp so với thị trường tiêu thụ, đồng thời ở thời điểm hiện tại Công ty chưa thể thực hiện việc chủ động tích trữ hàng hóa để tránh các rủi ro liên quan đến giá. Do đó để tránh các tổn thất cho Công ty, Ban điều hành Công ty buộc phải hạn chế tối đa các đơn hàng.



Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|--------------------|----------------|-----------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 55.253.454.306 | 20.839.150 | 0,04% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 130.971.147 | (3.017.150.754) | - |

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 so với năm 2024:

| Chỉ tiêu | Năm 2025 (1) | Năm 2024 (2) | Tăng trưởng (3)=(1-2)/(2) |
|---------------------------|-----------------|----------------|---------------------------|
| Doanh thu thuần (đồng) | 20.839.150 | 85.209.344.106 | -99,98% |
| Chi phí lãi vay (đồng) | 0 | 722.631.153 | -100% |
| Biên lợi nhuận gộp (%) | - | 5,5% | - |
| Lợi nhuận sau thuế (đồng) | (3.017.150.754) | 65.111.617 | - |

Trong năm 2025, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, hạn chế nhận đơn hàng mới nên trong kỳ doanh thu của công ty chỉ đạt 20,8 triệu đồng trong khi cùng kỳ doanh thu năm 2024 là 85,2 tỷ đồng. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt mức 3,1 tỷ đồng, tăng từ 39.9% so với năm 2024 (2.2 tỷ đồng). Với các lí do trên, trong năm 2025, công ty lỗ sau thuế 3,02 tỷ đồng trong khi năm 2024 lãi 65,1 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tài sản hợp nhất và nợ phải trả

DVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | 2025/2024 |
|----------|-----------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 22.402.279.988 | 31% | 25.020.303.434 | 34% | 111,69% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 49.498.867.701 | 69% | 49.322.159.493 | 66% | 99,64% |
| A | Tổng tài sản | 71.901.147.689 | 100% | 74.342.462.927 | 100% | 103,40% |
| 1 | Nợ phải trả | 4.480.779.262 | 6% | 9.939.245.254 | 13% | 221,82% |
| | <i>Nợ ngắn hạn</i> | 4.480.779.262 | 6% | 9.939.245.254 | 13% | 221,82% |
| | <i>Nợ dài hạn</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 67.420.368.427 | 94% | 64.403.217.673 | 87% | 95,52% |
| B | Tổng nguồn vốn | 71.901.147.689 | 100% | 74.342.462.927 | 100% | 103,40% |

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của CET đạt 74,3 tỷ đồng, tăng 2,4 tỷ đồng tương đương mức tăng 3,4% so với thời điểm 31/12/2024. Năm 2025 so với năm 2024, Giá trị của Nợ phải trả ngắn hạn đã tăng từ 4,5 tỷ đồng lên 9,9 tỷ đồng, tăng 121,8%. Trong đó chủ yếu là Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng.

b) Vốn điều lệ

Tại thời điểm 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là 60.500.000.000 đồng. Trong năm 2025, Công ty không thực hiện việc thay đổi vốn điều lệ.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các hoạt động thương mại các sản phẩm nông nghiệp sẽ tập trung vào chiến lược phát triển bền vững và không ngừng tìm kiếm cơ hội để mở rộng thị trường khi nền kinh tế có những chuyên biến tích cực. Các thị trường truyền thống như Philippines và Indonesia là giúp doanh nghiệp dễ tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên việc lựa chọn thị trường này cũng đồng nghĩa với việc chấp nhận biên lợi nhuận thấp, thuế nhập khẩu khá cao, thậm chí rủi ro thua lỗ. Theo đó, Công ty lên kế hoạch nghiên cứu, tận dụng các lợi thế với các nước đối tác tham gia các Hiệp định thương mại tự do để tìm kiếm thị trường có biên lợi nhuận cao, thuế nhập khẩu thấp và nhu cầu tiêu thụ phù hợp. Ban điều hành đánh giá đây là định hướng đáng xem xét tuy nhiên cũng cần xem xét đến tiêu chuẩn sản phẩm của nước nhập khẩu cùng với biến động chi phí logistic trong bối cảnh giá nhiên liệu biến động khó lường.

Đồng thời, trong năm 2026, Công ty sẽ tập trung vào việc tìm kiếm nhà cung cấp đạt những yêu cầu về sự uy tín, năng lực cung cấp sản phẩm, khả năng giao hàng vận chuyển và đồng thời hướng đến những thỏa thuận mua hàng nhằm hạn chế rủi ro biến động giá thị trường cho cả bên mua và bên bán. Ngoài ra, đây cũng là giai đoạn Công ty tập trung tinh gọn bộ máy, đồng thời nghiên cứu ứng dụng công nghệ để gia tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm.

Công ty sẽ ưu tiên quản trị rủi ro trước những diễn biến khó lường của thị trường đồng thời nghiên cứu mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược, tích cực tìm kiếm những lĩnh vực tiềm năng và thử nghiệm những công nghệ mới. Công ty sẽ tiếp tục mở rộng danh mục, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng, đồng thời đa dạng hóa các kênh bán hàng, bao gồm cả kênh phân phối và các kênh bán lẻ cũng như thương mại trực tuyến.

a. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2026:

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2026 |
|-----|----------------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Doanh thu thuần | 20.829.150 | Kế hoạch kinh doanh năm 2026 đang được Ban Giám đốc xây dựng và trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. |
| 2 | Giá vốn hàng bán | - | |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 20.829.150 | |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế | -3.017.033.154 | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | -3.017.150.754 | |

b. Kế hoạch tăng/giảm vốn điều lệ trong năm 2026:

Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông ngay khi có kế hoạch thay đổi vốn điều lệ trong năm 2026.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Về quan điểm “ngghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty”:

Trong năm vừa qua, Công ty có nhiều sự thay đổi về cơ cấu cổ đông và đang trong giai đoạn bàn giao giữa cổ đông cũ và cổ đông mới. Quá trình chuyển giao này đã dẫn đến những biến động đáng kể về nhân sự chủ chốt, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh trong một thời gian nhất định.

Hiện tại, Công ty đã khắc phục và ổn định được bộ máy nhân sự. Ban điều hành mới đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo hướng khả thi và tích cực, tập trung vào việc:

- Ổn định nguồn lực nội bộ: củng cố đội ngũ quản lý và nhân sự chủ chốt.
- Tái cấu trúc hoạt động: rà soát và tối ưu quy trình vận hành để nâng cao hiệu quả.
- Chiến lược kinh doanh mới: định hướng phát triển sản phẩm/dịch vụ phù hợp với thị trường, tăng doanh thu và cải thiện dòng tiền.
- Giải pháp tài chính: xây dựng kế hoạch xử lý nợ vay, tìm kiếm nguồn vốn bổ sung từ cổ đông mới hoặc đối tác chiến lược.

Ban lãnh đạo tin tưởng rằng với sự ổn định về cơ cấu cổ đông và bộ máy nhân sự, cùng với kế hoạch kinh doanh đã được chuẩn bị, Công ty có thể tiếp tục duy trì tính hoạt động liên tục trong tương lai.

Về “số dư quỹ tiền mặt được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 590.763.316 VND”:

Do những biến động đã nêu bên trên, việc tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt tại ngày 31/12/2025 chưa được thực hiện với sự tham gia của kiểm toán viên. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc kiểm toán viên không thể xác minh số dư quỹ tiền mặt bằng các thủ tục thay thế. Hiện nay, Công ty đã tổ chức lại - quy trình kiểm kê và quản lý quỹ tiền mặt theo đúng quy định và cam kết phối hợp đầy đủ với kiểm toán viên trong các kỳ kiểm toán tiếp theo để tránh tái diễn tình trạng này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

i. Kết quả triển khai thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua:

HĐQT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Trích xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày 31/12/2025 đã kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của CET với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

ĐVT: nghìn đồng

| STT | Nội dung | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ % TH 2025/ KH 2025 | Tỷ lệ % TH 2025/ TH 2024 |
|-----|----------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 85.209.344 | 55.253.454 | 20.829 | | 90,91% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 4.659.183 | | | | 113,50% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 190.811 | 130.971 | -3.017.033 | - | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 65.111 | 104.776 | -3.017.150 | - | - |

Trong năm 2025, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, hạn chế nhận đơn hàng mới nên trong kỳ doanh thu của công ty chỉ đạt 20,8 triệu đồng trong khi cùng kỳ doanh thu năm 2024 là 85,2 tỷ đồng. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt mức 3,1 tỷ đồng, tăng từ 39.9% so với năm 2024 (2.2 tỷ đồng). Với các lí do trên, trong năm 2025, công ty lỗ sau thuế 3,02 tỷ đồng trong khi năm 2024 lãi 65,1 triệu đồng.

- Về phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025:

Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, phần lợi nhuận đạt được trong năm 2024 được giữ lại phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cho năm 2025 và không thực hiện chi trả cổ tức.

- Về mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2025:

- Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS trong năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chi tiết như sau:

| | | |
|-------------------|---|------------------------|
| Chủ tịch HĐQT | : | 10.000.000 đồng/ tháng |
| Phó Chủ tịch HĐQT | : | 8.000.000 đồng/ tháng |
| Thành viên HĐQT | : | 3.000.000 đồng/ tháng |
| Trưởng BKS | : | 3.000.000 đồng/ tháng |
| Thành viên BKS | : | 2.000.000 đồng/ tháng |

- Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, nhận thấy tình hình công ty còn khó khăn, các thành viên HĐQT và BKS thống nhất tạm thời không nhận thù lao cho đến khi hoạt động sản xuất kinh doanh dần ổn định.
- Các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện đúng quy định của Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

- **Về lựa chọn đơn vị kiểm toán:**

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thực hiện chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC) là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho cả năm 2025. Mức phí chi trả cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025 và cho năm tài chính 2025 là 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng chẵn) (đã bao gồm thuế GTGT, 8%) (Theo Hợp đồng Kiểm toán số 314/2025/HĐKT-AFCVN được ký kết ngày 17/10/2025).

- **Về ban hành Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế :**

Công ty đã hoàn tất việc chỉnh sửa Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần thứ 05) ngày 05/09/2025 và ban hành các Quy chế gồm Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung lần 02); Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sửa đổi, bổ sung lần 02) và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung lần 02) sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 05/09/2025 thông qua để phù hợp với kết cấu và nội dung theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

- **Về việc thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Diamond Park**

Trong năm 2025, Công ty đã tìm được đối tác mua lại cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Diamond Park tuy nhiên do quá trình tìm kiếm và thỏa thuận với đối tác kéo dài khiến giao dịch không thể hoàn thành trong năm 2025 như đã trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2025.

HĐQT sẽ đánh giá lại và xác định phương án đầu tư/ thoái vốn đối với khoản đầu tư này.

- **Về việc tìm kiếm cơ hội hợp tác, góp vốn đầu tư theo tờ trình 15/2025/TTĐH-ĐHĐCĐ-CET ngày 13/08/2025**

Do việc thoái vốn CTCP Đầu tư Diamond Park chưa được hoàn tất, do đó Công ty chưa có nguồn vốn để triển khai hoạt động này. HĐQT sẽ đánh giá lại và lên phương án phù hợp.

- **Về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc của Công ty:**

Trong năm 2025, Công ty chưa thực hiện việc thay đổi tên và trụ sở làm việc do chưa có điều kiện phù hợp. Công ty tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 để thực hiện vào thời điểm thích hợp năm 2026.

ii. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty:

HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị, chỉ đạo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2025, tiếp tục những biến động của nền kinh tế, những ảnh hưởng sâu sắc của biến động vĩ mô kéo dài đòi hỏi HĐQT luôn phải chắc tay lái, vững tay chèo để vượt sóng cả. Trong thời điểm khó khăn, vai trò HĐQT được phát huy và ứng phó kịp thời những quyết sách quan trọng, đảm bảo thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua, đáp ứng quy định Điều lệ Công ty và pháp luật quy định. Theo đó, HĐQT đã kịp thời quyết định các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty hoặc các vấn đề khác trong các kỳ họp định kỳ hoặc bất thường thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể:

- **Công tác kiện toàn mô hình tổ chức và nhân sự:**

Nhận thức được tầm quan trọng của lực lượng nhân sự trong việc phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong năm 2025, Ban lãnh đạo đã thúc đẩy các chính sách nhân sự nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa cán bộ nhân viên và doanh nghiệp, trong đó tập trung quan tâm và có chính sách phúc lợi nhằm thu hút tạo sự gắn bó làm việc lâu dài.

- **Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, nâng cao đời sống CBNV, đảm bảo quyền lợi cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật:**

- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ và kịp thời. Năm 2025, Công ty cổ phần HTC Holding đã nộp ngân sách Nhà nước 117.600 đồng.
- Đề cửng cổ và nâng cao tinh thần, giữ vững lòng tin cho CBNV đề cửng nhau vượt qua hành trình đầy khó khăn, HĐQT của CET vẫn đảm bảo chi trả lương, thưởng, các phúc lợi đầy đủ cho CBNV.
- Hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT luôn trung thành với lợi ích cổ đông và Công ty, nỗ lực triển khai nhiều chương trình thông tin tốt, góp phần đưa giá trị doanh nghiệp ngày càng tăng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- **Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:**

HĐQT thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành thông qua tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Công tác giám sát Ban điều hành thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá công tác Ban điều hành Công ty như sau:

- Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, đưa ra các giải pháp cụ thể, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng thời điểm của từng thành viên trong Ban điều hành để nỗ lực triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Năm 2025, Ban điều hành đã có những chỉ đạo kịp thời để giảm thiểu rủi ro cho Công ty. Tuy nhiên, Ban điều hành cần có phương án chủ động hơn và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành cũng đã dần hoàn thiện các quy trình, quy chế về vận hành đối với từng phòng ban nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động phối hợp được chặt chẽ, thông suốt, mang lại hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

i. Các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026:

Trong năm 2026, với những diễn biến phức tạp, khó đoán của tình hình vĩ mô, CET sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh doanh theo hai hướng song song, vừa tập trung vào những mặt hàng nông nghiệp truyền thống như lúa gạo nhằm tạo nguồn doanh thu ổn định, vừa nghiên cứu, tìm hiểu mở rộng thêm các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón.

- Tập trung mặt hàng lúa gạo chủ lực:
- Để chủ động giảm thiểu rủi ro biến động bất thường của giá cả hàng hóa ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp phân phối như CET, HĐQT và Ban điều hành đang trong quá trình tìm hiểu để mua lại một nhà máy sản xuất gạo nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động giá từ nhà cung cấp.
- Bên cạnh đó, việc mở rộng kinh doanh sang các thị trường mới, có ưu đãi thuế thông qua các Hiệp định thương mại tự do là phương án khả thi để tăng doanh thu, cải thiện biên lợi nhuận trong bối cảnh thị trường xuất khẩu ngày càng gay gắt.

230
IG T
PHÁ
JLDI
5 HẢ

- Nghiên cứu mở rộng các mặt hàng khác:
- Sau khi tìm hiểu nhu cầu của thị trường, HĐQT và Ban điều hành của CET đánh giá việc mở rộng thêm danh mục sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón là phương án rất khả thi. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đánh giá, nghiên cứu chi tiết hơn về toàn bộ chuỗi cung ứng và tìm kiếm cơ hội, thời điểm khả thi để Công ty có thể gia nhập lĩnh vực này.

ii. Các định hướng hoạt động HĐQT năm 2026

- Chiến lược nhân sự:
 - Xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt, mỗi cán bộ quản lý phải luôn đi đầu, tạo sự tin tưởng, nâng tầm chuyên nghiệp, mỗi CBNV tuân thủ, kỷ cương, xây dựng CET thành một đội hình có tính kỷ luật cao.
- Chiến lược cổ đông:
 - Xây dựng được lòng tin, tăng cường trao đổi thông tin với cổ đông, nâng cao sự hiểu biết giữa CET và cổ đông, trân trọng từng cổ đông và đảm bảo hiệu quả cho sự đầu tư của cổ đông với mức chia cổ tức tốt nhất và giá trị cổ phiếu phản ánh đầy đủ nội tại của doanh nghiệp.
 - Tiếp tục mở rộng về số lượng và nâng cao về chất lượng của cổ đông.
- Chiến lược vốn:
 - Tập trung và tăng cường huy động vốn tài trợ để bắt kịp các cơ hội kinh doanh.
 - Tăng cường vốn tự có, giữ tỷ lệ an toàn vốn ở mức hợp lý để giảm rủi ro.
 - Giảm chi phí tài trợ vốn, tìm kiếm những giải pháp để tăng giá trị và margin tài sản.
- Xây dựng lợi thế cạnh tranh của CET:
 - Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, mà ở đó mỗi CBNV có thể phát huy năng lực, thể hiện tinh thần trách nhiệm và gắn kết.
 - Phát triển các mối quan hệ xã hội, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, gắn kết hoạt động của doanh nghiệp với cộng đồng, quan tâm đến công tác an sinh xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT/ | Chức vụ/ | Số cổ phiếu sở hữu * | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu | Thay đổi trong năm 2025 so với 31/12/2024 |
|-----|---------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|---|
| 1 | Nguyễn Thế Tài | Chủ tịch HĐQT | 0 | 0% | |
| 2 | Nguyễn Mạnh Chiến | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 | 0% | Thông qua miễn nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05/09/2025 |
| 3 | Trần Hoàng Anh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 | 0% | |
| 4 | Nguyễn Quốc Phương | Thành viên HĐQT | 0 | 0% | Thông qua miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT ngày 05/09/2025 |
| 5 | Đỗ Văn Đạt | Thành viên HĐQT | 0 | 0% | |
| 6 | Lý Thế Vinh | Thành viên HĐQT | 0 | 0% | |
| 7 | Hà Lê Thúy Vy | Thành viên độc lập HĐQT | 0 | 0% | |
| 8 | Trần Thị Kiều Tiên | Thành viên độc lập HĐQT | 0 | 0% | Thông qua miễn nhiệm vị trí Thành viên độc lập HĐQT ngày 05/09/2025 |
| 9 | Trần Việt Tuấn | Thành viên độc lập HĐQT | 0 | 0% | Thông qua miễn nhiệm vị trí Thành viên độc lập HĐQT ngày 05/09/2025 |

| | | | | | |
|----|---------------------|-------------------------|---|----|---|
| 10 | Võ Ngọc Phương Thảo | Thành viên độc lập HĐQT | 0 | 0% | Thông qua bổ nhiệm vị trí Thành viên độc lập HĐQT ngày 05/09/2025 |
| 11 | Phạm Đăng Khoa | Thành viên độc lập HĐQT | 0 | 0% | Thông qua bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT ngày 05/09/2025 |

*Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu được chốt tại thời điểm 31/12/2025

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2025, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và đột xuất vào từng thời điểm nhằm thông qua các quyết sách kịp thời đáp ứng công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, giao dịch huy động vốn, xây dựng kế hoạch hoạt động, ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, v.v. ...

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự nhất trí, đồng thuận cao của các thành viên HĐQT. Trong năm 2025, HĐQT đã có 09 phiên họp và đã ban hành 19 Nghị quyết và Quyết định. Cụ thể:

| STT | Thành viên HĐQT | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số buổi họp HĐQT tham dự trong 2025 | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------|---------------|-----------------|-------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Thế Tài | 11/04/2024 | | 09/09 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Mạnh Chiên | 11/04/2024 | 05/09/2025 | 03/03 | 100% | |
| 3 | Trần Hoàng Anh Tuấn | 07/07/2023 | | 09/09 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Quốc Phương | 07/07/2023 | 05/09/2025 | 03/03 | 100% | |

| | | | | | | |
|----|---------------------|------------|------------|-------|-------|--------------------------------|
| 5 | Đỗ Văn Đạt | 07/07/2023 | | 09/09 | 100% | |
| 6 | Lý Thế Vinh | 07/07/2023 | | 09/09 | 100% | |
| 7 | Hà Lê Thúy Vy | 11/04/2024 | | 09/09 | 100% | |
| 8 | Trần Thị Kiều Tiên | 11/04/2024 | 05/09/2025 | 01/03 | 33.3% | Đã nộp đơn từ nhiệm 31/03/2025 |
| 9 | Trần Việt Tuấn | 11/04/2024 | 05/09/2025 | 01/03 | 33.3% | Đã nộp đơn từ nhiệm 13/08/2025 |
| 10 | Phạm Đăng Khoa | 05/09/2025 | | 06/06 | | |
| 11 | Võ Ngọc Phương Thảo | 05/09/2025 | | 06/06 | | |

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định / | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Nghĩa vụ CBTT |
|-----|--------------------------------|------------|--|---|-------------------------|
| 1 | 01/2025/NQ-HĐQT-CET | 31/03/2025 | Thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tiếp nhận đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh. | Nội dung “Tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh”: 89% Các nội dung khác: 100% | Đã CBTT ngày 01/04/2025 |
| 2 | 03/2025/NQ-HĐQT-CET | 16/07/2025 | Thông qua triển khai ĐHCĐ thường niên năm 2025 và thay đổi kế toán trưởng | 100% | Đã CBTT ngày 17/07/2025 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định / | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Nghĩa vụ CBTT |
|-----|--------------------------------|------------|--|-----------------|-------------------------|
| 3 | 04/2025/QĐ- HĐQT-CET | 16/07/2025 | Thông qua báo thay đổi nhân sự vị trí Kế toán trưởng | 100% | Đã CBTT ngày 17/07/2025 |
| 4 | 05/2025/QĐ- HĐQT-CET | 16/07/2025 | Bỏ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 17/07/2025 |
| 5 | 07/2025/NQ- HĐQT-CET | 13/08/2025 | Thông qua tiếp nhận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, thông qua danh sách cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | 100% | Đã CBTT ngày 13/08/2025 |
| 6 | 08/2025/NQ- HĐQT-CET | 22/08/2025 | Thông qua Danh sách ứng viên TV HĐQT, TV BKS nhiệm kỳ 2023-2028 | 100% | Đã CBTT ngày 22/08/2025 |
| 7 | 09/2025/QĐ- HĐQT-CET | 05/09/2025 | Ban hành quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 05/09/2025 |
| 8 | 10/2025/QĐ- HĐQT-CET | 05/09/2025 | Ban hành quy chế hoạt động quản trị Công ty cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 05/09/2025 |
| 9 | 11/2025/NQ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Thông qua tiếp nhận đơn từ nhiệm và thay đổi cơ cấu nhân sự, NĐDPL | 100% | Đã CBTT ngày 14/10/2025 |
| 10 | 12/2025/QĐ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 15/10/2025 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định / | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Nghĩa vụ CBTT |
|-----|--------------------------------|------------|---|-----------------|-------------------------|
| 11 | 13/2025/QĐ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Thông báo thay đổi nhân sự vị trí Tổng Giám đốc , Kế toán trưởng và NĐDPL | 100% | Đã CBTT ngày 15/10/2025 |
| 12 | 14/2025/QĐ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 15/10/2025 |
| 13 | 15/2025/QĐ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Bỏ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 15/10/2025 |
| 14 | 16/2025/QĐ- HĐQT-CET | 14/10/2025 | Thôi nhiệm Người đại diện theo pháp luật công ty Cổ phần HTC Holding | 100% | Đã CBTT ngày 15/10/2025 |
| 15 | 17/2025/NQ- HĐQT-CET | 16/10/2025 | Thông qua bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT | 100% | Đã CBTT ngày 16/10/2025 |
| 16 | 18/2025/NQ- HĐQT-CET | 16/10/2025 | Thông qua thay đổi cơ cấu nhân sự Tổng Giám đốc và NĐDPL | 100% | Đã CBTT ngày 16/10/2025 |
| 17 | 19/2025/QĐ- HĐQT-CET | 16/10/2025 | Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật | 100% | Đã CBTT ngày 16/10/2025 |
| 18 | 20/2025/QĐ- HĐQT-2025 | 16/10/2025 | Thông báo thay đổi vị trí Tổng Giám đốc và NĐDPL | 100% | Đã CBTT ngày 16/10/2025 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định / | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Nghĩa vụ CBTT |
|-----|--------------------------------|------------|--|-----------------|-------------------------|
| 19 | 21/2025/NQ- HĐQT-2025 | 17/10/2025 | Thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC 2025 và ký kết hợp đồng kiểm toán | 100% | Đã CBTT ngày 17/10/2025 |

d) Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT.

Hoạt động của HĐQT CET trong năm 2025 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền, thể hiện vai trò lãnh đạo sáng tạo và năng động trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và giám sát thực thi cũng như quản trị rủi ro, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không tổ chức*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------|------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 1 | Nguyễn Thu Hà | Thành viên | 0 | 0% | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| 2 | Trịnh Quyết Tiến | Thành viên | 0 | 0% | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| 3 | Hồ Thị Minh Hiếu | Trưởng ban | 0 | 0% | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |

| | | | | | |
|---|------------------|------------|---|----|--------------------------|
| 4 | Võ Việt Trung | Trưởng ban | 0 | 0% | Bổ nhiệm ngày 05/09/2025 |
| 5 | Lâm Thị Phụng | Thành viên | 0 | 0% | Bổ nhiệm ngày 05/09/2025 |
| 6 | Trần Thị Mỹ Hạnh | Thành viên | 0 | 0% | Bổ nhiệm ngày 05/09/2025 |

*Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu được chốt tại thời điểm 31/12/2024

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

i. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty. Tham dự và bám sát các nội dung tại các phiên họp của Hội đồng quản trị để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm, bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính bán niên 6 tháng và báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán.

ii. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2025

| Stt. | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|------|------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1 | Nguyễn Thu Hà | Thành viên | 07/07/2023 | 05/09/2025 | 01/01 | 100% |
| 2 | Trịnh Quyết Tiến | Thành viên | 07/07/2023 | 05/09/2025 | 01/01 | 100% |
| 3 | Hồ Thị Minh Hiếu | Trưởng ban | 11/04/2024 | 05/09/2025 | 01/01 | 100% |
| 4 | Võ Việt Trung | Trưởng ban | 05/09/2025 | | 01/01 | 100% |
| 5 | Lâm Thị Phụng | Thành viên | 05/09/2025 | | 01/01 | 100% |
| 6 | Trần Thị Mỹ Hạnh | Thành viên | 05/09/2025 | | 01/01 | 100% |

iii. Kết quả công tác giám sát năm 2025

- **Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025:**

Năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ được quyết nghị trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông nêu ra như:

- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều phối, bổ nhiệm nhân sự theo sát yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện các báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường kịp thời theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
- Các hoạt động liên quan vay vốn được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự.

- **Giám sát tình hình tài chính năm 2025:**

Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với các ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 và số liệu phân tích do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đánh giá:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2025, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, hạn chế nhận đơn hàng mới nên trong kỳ doanh thu của công ty chỉ đạt 20,8 triệu đồng trong khi cùng kỳ doanh thu năm 2024 là 85,2 tỷ đồng. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt mức 3,1 tỷ đồng, tăng từ 39.9% so với năm 2024 (2.2 tỷ đồng). Với các lí do trên, trong năm 2025, công ty lỗ sau thuế 3,02 tỷ đồng trong khi năm 2024 lãi 65,1 triệu. Việc Ban điều hành Công ty thực hiện quản trị rủi ro trước biến động giá cả trên thị trường là cần thiết, tuy nhiên phương án hạn chế tham gia các hợp đồng mua bán gạo, vốn là hoạt động kinh doanh chính của Công ty, là không phù hợp, thiếu sự chủ động và bỏ qua các cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Về tình hình tài chính, tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của CET đạt 74,3 tỷ đồng, tăng 2,4 tỷ đồng tương đương mức tăng 3,4% so với thời điểm 31/12/2024. Năm 2025 so với năm 2024, Giá trị của Nợ phải trả ngắn hạn đã tăng từ 4,5 tỷ đồng lên 9,9 tỷ đồng, tăng 121,8%. Trong đó chủ yếu là Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng.

Sau đây là một số thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả kinh doanh của Công ty:

Tình hình tài sản, nguồn vốn:

| <i>Tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn năm 2025</i> | | | | <i>ĐVT: đồng</i> | |
|--|----------------------------|----------------------------|----------------------|-------------------|--|
| Chỉ tiêu | Ngày 01/01/2025 | Ngày 31/12/2025 | Thay đổi | % Thay đổi | |
| Tài sản ngắn hạn | 22.402.279.988 | 25.020.303.434 | 2.618.023.446 | 11,69% | |
| Tài sản dài hạn | 49.498.867.701 | 49.322.159.493 | -176.708.208 | -0,36% | |
| Tổng cộng tài sản | 71.901.147.689 | 74.342.462.927 | 2.441.315.238 | 3,40% | |
| Nợ ngắn hạn | 4.480.779.262 | 9.939.245.254 | 5.458.465.992 | 121,82% | |
| Nợ dài hạn | - | - | | | |
| Vốn chủ sở hữu | 67.420.368.427 | 64.403.217.673 | -3.017.150.754 | -4,48% | |
| Tổng cộng nguồn vốn | 71.901.147.689 | 74.342.462.927 | 2.441.315.238 | 3,40% | |

Kết quả hoạt động kinh doanh:

| <i>Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025 so với thực hiện năm 2024</i> | | | | <i>ĐVT: đồng</i> | |
|--|--------------------|--------------------|-----------------|-------------------|--|
| Chỉ tiêu | TH năm 2024 | TH năm 2025 | Thay đổi | % Thay đổi | |
| Doanh thu thuần | 85.209.344.106 | 20.829.150 | -85.188.514.956 | -99,98% | |
| Lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh | 204.650.522 | -2.992.584.927 | -3.197.235.449 | -1562,29% | |
| Lợi nhuận trước thuế | 190.811.627 | -3.017.033.154 | -3.207.844.781 | -1681,16% | |
| Lợi nhuận sau thuế | 65.111.617 | -3.017.150.754 | -3.082.262.371 | -4733,81% | |



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát (tính tới 31/12/2025):

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

i. Quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2025:

| Chức vụ tại Công ty | Thù lao được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 | Thực tế đã chi trong năm 2025 |
|---------------------|---|--|
| Chủ tịch HĐQT | 10.000.000 đồng/tháng | Thực tế trong năm 2025, căn cứ theo tình hình còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thống nhất không nhận thù lao. Như vậy, tổng cộng chi thù lao năm 2025 đã thực hiện là: 0 đồng . |
| Phó Chủ tịch HĐQT | 8.000.000 đồng/tháng | |
| Thành viên HĐQT | 3.000.000 đồng/tháng | |
| Trưởng BKS | 3.000.000 đồng/tháng | |
| Thành viên BKS | 2.000.000 đồng/tháng | |

ii. Quyết toán tiền lương Người quản lý:

Tổng số tiền lương chi trả cho Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty trong năm 2025 là: **47.631.579 đồng** (Bằng chữ: *Bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*). Cụ thể:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Ghi chú | Số tiền (đồng) |
|-----|---------------------|--|------------------------------|----------------|
| 1 | Trần Thị Thanh Nhân | Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | (Miễn nhiệm ngày 16/07/2025) | 12.631.578 |
| 2 | Đoàn Công Dũng | Tổng Giám đốc | (Bỏ nhiệm ngày 16/10/2025) | 19.166.667 |
| 3 | Đỗ Tấn Hùng | Kế toán trưởng | (Bỏ nhiệm ngày 15/10/2025) | 15.833.334 |

| | |
|-------------------|-------------------|
| Tổng cộng: | 47.631.579 |
|-------------------|-------------------|

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty trong năm 2025:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...) |
|-----|---------------------------|---|---------------------------|---------|----------------------------|-------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Thế Tài | Người nội bộ | 650.000 | 10% | 0 | 0% | Bán |
| 2 | Trần Hoàng Anh Tuấn | Người nội bộ | 1.044.052 | 17,257% | 0 | 0% | Bán |
| 3 | Trần Hoàng Cường | Người có liên quan với của người nội bộ | 907.865 | 15,006% | 0 | 0% | Bán |
| 4 | Trần Đăng Khoa | Người nội bộ (Miễn nhiệm ngày 16/10/2025) | 0 | 0% | 332.800 | 5,5% | Mua |

c) Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:



| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐCĐ thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng) | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|--|---------------------------------------|---------------------------------|--|---|---|
| 1 | Võ Ngọc Phương Thảo | Người nội bộ của Công ty | | | Trong 6 tháng đầu năm 2025 | | 120.000.000 | Vay (Tại thời điểm phát sinh giao dịch bà Võ Ngọc Phương thảo chưa là người nội bộ với công ty) |
| 2 | Võ Ngọc Phương Thảo | Người nội bộ của Công ty | | | Trong 6 tháng đầu năm 2025 | | 15.000.000 | Chi hộ (Tại thời điểm phát sinh giao dịch bà Võ Ngọc Phương thảo chưa là người nội bộ với công ty) |
| 3 | Võ Ngọc Phương Thảo | Người nội bộ của Công ty | | | Trong năm 2025 | | 135.000.000 | Hoàn trả vay, chi hộ |

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

i. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị

• **Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2025:**

- Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị nỗ lực tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp thường xuyên, bám sát hoạt động thực tế của Công ty, đưa ra các quyết định kịp thời, phù hợp. Định hướng và hỗ trợ Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và xử lý các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.
- Ban điều hành đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra. Công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý thu chi đúng quy chế tài chính của Công ty.
- Các phòng ban nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả làm việc được báo cáo định kỳ để cập nhật tình hình kịp thời tới Ban lãnh đạo.
- **Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông:**
 - Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, chia sẻ kịp thời các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.
 - Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp với các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.
 - Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn sẵn sàng phối hợp với cổ đông theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp hiện hành để giải quyết những vấn đề cổ đông quan tâm.

ii. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

Thông qua hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có một số kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban điều hành như sau:

- Thường xuyên theo dõi tình hình biến động của kinh tế vĩ mô, phân tích đánh giá tác động tới doanh nghiệp để có các giải pháp hiệu quả và kịp thời trong công tác quản trị, điều hành.
- Nhanh chóng hoàn thiện bộ máy nhân sự cấp cao của Công ty, tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích cổ đông.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ đảm bảo quản lý khoa học, hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, chiến lược phát triển thương hiệu Công ty.
- Thường xuyên động viên, khích lệ tinh thần cán bộ nhân viên để có sự sáng tạo, đột phá trong tư duy của từng cá nhân, tổ chức và hướng tới các giải pháp tối ưu trong từng hoạt động ở các cấp quản trị để sử dụng, phát triển các nguồn lực hiệu quả.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần HTC Holding được đính kèm cùng với báo cáo này.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

**UQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRẦN HOÀNG ANH TUẤN

(Theo Giấy ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật số 0212/2025/UQ-HĐQT-CET ngày 02/12/2025)

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 – 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 12 – 29 |



14230

ÔNG
CỔ PHẦN
HOLD

HỒ H

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Công ty

Công ty Cổ phần HTC Holding tiền thân là Công ty Cổ phần Tech – Vina, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01014230142 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 (mười ba) vào ngày 25 tháng 05 năm 2021 và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 (mười tám) ngày 28 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài Chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 60.500.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: CET
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 6.050.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 60.500.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có địa điểm kinh doanh được đặt tại Số 30, ngõ 63, Phố Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên.
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác.
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Quản lý điều hành và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Quản lý điều hành và Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------------------|----------|---|
| Ông Nguyễn Thế Tài | Chủ tịch | Thôi chức vụ từ ngày 15/10/2025 đến ngày 16/10/2025 |
| Ông Trần Hoàng Anh Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2025 Từ ngày 15/10/2025 đến ngày 16/10/2025 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------------|--------------------|-----------------------------|
| | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2025 |
| | Phó chủ tịch | Từ nhiệm ngày 09/03/2026 |
| Ông Nguyễn Mạnh Chiến | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Ông Đỗ Văn Đạt | Thành viên | Từ nhiệm ngày 09/09/2025 |
| Ông Phạm Đăng Khoa | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 05/09/2025 |
| | Thành viên | Từ nhiệm ngày 14/10/2025 |
| Ông Lý Thế Vinh | Thành viên | Từ nhiệm ngày 09/03/2026 |
| Bà Hà Lê Thuý Vy | Thành viên độc lập | Từ nhiệm ngày 14/10/2025 |
| Bà Võ Ngọc Phương Thảo | Thành viên độc lập | Từ nhiệm ngày 19/01/2026 |
| Bà Trần Thị Kiều Tiên | Thành viên độc lập | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Ông Trần Việt Tuấn | Thành viên độc lập | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |

Ban Quản lý điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Ông Đoàn Công Dũng | Tổng Giám đốc | Từ ngày 16/10/2025 |
| | | Từ nhiệm ngày 09/03/2026 |
| Ông Trần Đăng Khoa | Tổng Giám đốc | Từ ngày 15/10/2025 |
| | | Đến ngày 16/10/2025 |
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Tổng Giám đốc | Từ nhiệm ngày 15/10/2025 |
| Bà Trần Thị Thảo Trang | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Đỗ Tấn Hùng | Kế toán trưởng | Từ ngày 15/10/2025 |
| Bà Trần Thị Thanh Nhân | Giám đốc Tài chính kiêm | Đến ngày 16/07/2025 |
| | Kế toán trưởng | |
| Ông Nguyễn Viết Đoàn | Kế toán trưởng | Từ ngày 16/07/2025 |
| | | Đến ngày 15/10/2025 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|----------------------|------------|----------------------------|
| Bà Hồ Thị Minh Hiếu | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Ông Trịnh Quyết Tiến | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05/09/2025 |
| Ông Võ Việt Trung | Trưởng ban | Từ nhiệm ngày 14/10/2025 |
| Bà Lâm Thị Phương | Thành viên | Từ nhiệm ngày 14/10/2025 |
| Bà Trần Thị Mỹ Hạnh | Thành viên | Từ nhiệm ngày 14/10/2025 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

| Họ và Tên | Chức vụ | Bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Ông Đoàn Công Dũng | Tổng Giám đốc | Từ ngày 16/10/2025 |
| Ông Trần Đăng Khoa | Tổng Giám đốc | Từ ngày 15/10/2025 |
| | | Đến ngày 16/10/2025 |
| Ông Nguyễn Thế Tài | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Từ nhiệm ngày 15/10/2025 |
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Tổng Giám đốc | Từ nhiệm ngày 15/10/2025 |

Ông Đoàn Công Dũng – Tổng Giám đốc đã ủy quyền cho ông Trần Hoàng Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký phê duyệt các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 0212/2025/UQ-HĐQT-CET ngày 02/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Ông TRẦN HOÀNG ANH TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Số: 314/2026/BCKT-HCM.01618

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Theo thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2025 Công ty có khoản lỗ thuần 3.017.150.754 VND; đồng thời, dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 538.188.312 VND và công ty có khoản nợ vay quá hạn thanh toán là 3.500.000.000 VND. Bên cạnh đó, trong năm 2025 và cho đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty có nhiều biến động đáng kể về các nhân sự chủ chốt. Những Điều kiện này, cùng với các vấn đề khác được trình bày tại thuyết minh 9.4 cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp các kế hoạch khả thi và đầy đủ nhằm chứng minh Công ty có thể tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai. Do đó, chúng tôi cho rằng có sự không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ về vấn đề này đồng thời chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Chúng tôi không thể tham gia quan sát kiểm kê quỹ tiền mặt của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của số dư quỹ tiền mặt được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 590.763.316 VND bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần HTC Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
Người được uỷ quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÙI VĂN BÔNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 25.020.303.434 | 22.402.279.988 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 618.465.399 | 61.749.541 |
| Tiền | 111 | | 618.465.399 | 61.749.541 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 23.776.507.316 | 21.771.637.433 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 119.720.400 | 254.720.400 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 1.170.880.000 | 1.155.880.000 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 6.424.176.916 | 2.361.037.033 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (1.938.270.000) | - |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 625.330.719 | 568.893.014 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7.1 | 8.720.830 | 7.780.001 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 616.609.889 | 561.113.013 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 49.322.159.493 | 49.498.867.701 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | - | - |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | | - | - |
| Nguyên giá | 222 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | - | - |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5.8 | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 322.159.493 | 498.867.701 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7.2 | 322.159.493 | 498.867.701 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 74.342.462.927 | 71.901.147.689 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 9.939.245.254 | 4.480.779.262 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 9.939.245.254 | 4.480.779.262 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.9 | 431.662.426 | 100.978.979 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.10 | 12.696.326 | 43.603.037 |
| Phải trả người lao động | 314 | 5.11 | 307.000.001 | 113.000.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 200.000.000 | 276.829.745 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.12 | 5.041.519.000 | - |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.13 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quý khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 446.367.501 | 446.367.501 |
| Quý bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quý phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 64.403.217.673 | 67.420.368.427 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 64.403.217.673 | 67.420.368.427 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 60.500.000.000 | 60.500.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>60.500.000.000</i> | <i>60.500.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>411b</i> | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 446.367.502 | 446.367.502 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.456.850.171 | 6.474.000.925 |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>6.474.000.925</i> | <i>6.408.889.308</i> |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>(3.017.150.754)</i> | <i>65.111.617</i> |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 74.342.462.927 | 71.901.147.689 |



ĐỖ TẤN HÙNG
Người lập biểu



ĐỖ TẤN HÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG ANH TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 20.829.150 | 85.209.344.106 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 20.829.150 | 85.209.344.106 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | - | 80.550.160.150 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 20.829.150 | 4.659.183.956 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 98.589.894 | 2.158.568.259 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | - | 826.574.001 |
| - Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | - | 722.631.153 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 48.000.000 | 3.595.732.430 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 3.064.003.971 | 2.190.795.262 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (2.992.584.927) | 204.650.522 |
| Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| Chi phí khác | 32 | 6.7 | 24.448.227 | 13.838.895 |
| Lợi nhuận/ (lỗ) khác | 40 | | (24.448.227) | (13.838.895) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (3.017.033.154) | 190.811.627 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.10 | 117.600 | 40.930.104 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | 84.769.906 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (3.017.150.754) | 65.111.617 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | (499) | 11 |



ĐỖ TẤN HÙNG
Người lập biểu

ĐỖ TẤN HÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG ANH TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------|----------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (3.017.033.154) | 190.811.627 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | | - | - |
| Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) | 03 | | 1.938.270.000 | - |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 6.3 | (70.509) | - |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (98.504.894) | (1.131.894.646) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | - | 722.631.153 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (1.177.338.557) | (218.451.866) |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu | 09 | | (4.994.965.526) | 4.685.050.315 |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 5.499.396.096 | 305.693.693 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | | 175.767.379 | (506.647.702) |
| (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (722.631.153) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 5.10 | (41.047.704) | (118.180.873) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | | (538.188.312) | 3.424.832.414 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | - | - |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (18.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 18.000.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 15.600.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.094.833.661 | 75.565.879 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 1.094.833.661 | (2.324.434.121) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.1 | 120.000.000 | 14.969.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | 7.2 | (120.000.000) | (26.533.806.959) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | (11.564.806.959) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | | 556.645.349 | (10.464.408.666) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 60 | 5.1 | 61.749.541 | 10.526.158.207 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 70.509 | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | | 618.465.399 | 61.749.541 |



ĐỖ TẤN HÙNG
Người lập biểu

ĐỖ TẤN HÙNG
Kế toán trưởng

TRẦN HOÀNG ANH TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding tiền thân là Công ty Cổ phần Tech – Vina, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01014230142 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 (mười ba) vào ngày 25 tháng 05 năm 2021 và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 (mười tám) ngày 28 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 60.500.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có địa điểm kinh doanh được đặt tại Số 30, ngõ 63, Phố Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: CET
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 6.050.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 60.500.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên.
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác.
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 05 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 03 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (02 tháng).

Chi phí khác

Chi phí trả trước khác là chi phí bảo trì phần mềm kế toán và xây dựng trang website được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm kể từ khi phát sinh.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.8 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm 2025, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.13 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, đầu tư khác dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Công ty | Quan hệ |
|--|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội | Cùng thành viên ban điều hành |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Vinh Khang | Cùng thành viên ban điều hành |

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt tồn quỹ - VND | 590.763.316 | 50.924.655 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND | 27.702.083 | 10.824.886 |
| | 618.465.399 | 61.749.541 |

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Các đối tượng khác | | |
| Công ty CP Thương mại Đầu tư Tín Thương | 119.720.400 | 254.720.400 |
| | 119.720.400 | 254.720.400 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Công ty Cổ phần GAVI | 1.155.880.000 | 1.155.880.000 |
| Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam | 15.000.000 | - |
| | 1.170.880.000 | 1.155.880.000 |

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Ông Bạch Ngọc Tuấn Anh (1) | 6.000.000.000 | - |
| Ông Phạm Văn Nghĩa (2) | 6.000.000.000 | - |
| Ông Đỗ Anh Các Lót (3) | 6.000.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | - | 9.000.000.000 |
| Bà Võ Thị Thanh Tuyền | - | 9.000.000.000 |
| | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |

(1) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 824326 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, với lãi suất 8%/năm, thời hạn 12 tháng tính từ ngày 15/12/2025.

(2) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 824327 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, với lãi suất 8%/năm, thời hạn 12 tháng tính từ ngày 15/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (3) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 790229 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, với lãi suất 8%/năm, thời hạn 12 tháng tính từ ngày 15/12/2025.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Tạm ứng nhân viên | 780.000.000 | (780.000.000) | 782.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 2.390.000 | (2.390.000) | 2.390.000 | - |
| Phải thu lãi dự thu | 60.000.000 | - | 1.056.328.767 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Sản xuất Lương thực Thực phẩm Dothaco - chi hộ | 5.061.468.650 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Thương - chi hộ | 520.318.266 | - | 520.318.266 | - |
| | 6.424.176.916 | (782.390.000) | 2.361.037.033 | - |

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------|----------------------|----------------------------|-------------|----------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công ty Cổ phần GAVI | 1.155.880.000 | - | - | - |
| Võ Thị Thanh Tuyền | 498.000.000 | - | - | - |
| Nguyễn Trung Kiên | 282.000.000 | - | - | - |
| Khác | 2.390.000 | - | - | - |
| | 1.938.270.000 | - | - | - |

(*) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, các khoản nợ này không có khả năng thu hồi tại ngày báo cáo nên đã tiến hành trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------------|------------------|------------------|
| Chi phí thuê nhà | - | 3.000.001 |
| Chi phí bảo trì phần mềm | - | 4.780.000 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.720.830 | - |
| | 8.720.830 | 7.780.001 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí sửa chữa | 284.242.833 | 439.284.369 |
| Chi phí khác | 37.916.660 | 59.583.332 |
| | 322.159.493 | 498.867.701 |

5.8 Các khoản đầu tư dài hạn khác

| | 31/12/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (*) | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (*) |
| Công ty CP Đầu tư Diamond Park | 49.000.000.000 | - | (*) | 49.000.000.000 | - | (*) |
| | 49.000.000.000 | - | | 49.000.000.000 | - | |

Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park có trụ sở chính tại Lô T26, ấp 4, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (địa chỉ trước đây là Lô T26, Ấp 4, Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101959108 ngày đăng ký lần đầu ngày 19/08/2020. Hoạt động chính của Công ty CP Đầu tư Diamond Park là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ của Cổ phần Đầu tư Diamond Park là 300.000.000.000 VND, trong đó Công ty nắm giữ 49.000.000.000 VND tương đương 16,33%.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã đánh giá khoản tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park căn cứ vào báo cáo tài chính chưa kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo đó, số trích lập dự phòng có thể thay đổi khi Công ty nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park.

(*) Tại ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|--------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios | 326.251.857 | 326.251.857 | - | - |
| Công ty TNHH Logi Decor | 23.407.630 | 23.407.630 | 23.407.630 | 23.407.630 |
| Công ty TNHH TM DV Kỹ Chuyên | 17.766.000 | 17.766.000 | 17.766.000 | 17.766.000 |
| Công ty TNHH Aki Foods | 52.800.000 | 52.800.000 | - | - |
| Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Phía Nam | - | - | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.436.939 | 11.436.939 | 5.805.349 | 5.805.349 |
| | 431.662.426 | 431.662.426 | 100.978.979 | 100.978.979 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2025 | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2025 |
|----------------------------|-------------------|------------------------|---------------------|-------------------|
| | Phải nộp VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải nộp VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 40.930.104 | 117.600 | (41.047.704) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.672.933 | 17.076.023 | (7.052.630) | 12.696.326 |
| Thuế, lệ phí khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| | 43.603.037 | 20.193.623 | (51.100.334) | 12.696.326 |

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|--------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (3.017.150.754) | 190.811.627 |
| Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 29.817.675 | 13.838.895 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | (2.987.215.479) | 204.650.522 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN | - | 40.930.104 |
| Thuế TNDN các năm trước | 117.600 | - |
| Thuế TNDN hiện hành phải nộp | 117.600 | 40.930.104 |

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.11 Phải trả người lao động

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền lương nhân viên | 307.000.001 | 113.000.000 |
| | 307.000.001 | 113.000.000 |

5.12 Phải trả khác ngắn hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|----------------------|-------------------|
| Các đối tượng khác | | |
| Công ty TNHH XNK Quốc tế Vạn Kim Phát – thu hộ | 5.041.519.000 | - |
| | 5.041.519.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.13 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.13.1 Vay ngắn hạn**

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên liên quan | | | | |
| Ông Trần Hoàng Anh Tuấn (1) | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |

(1) Khoản vay tiền không có tài sản đảm bảo của Ông Trần Hoàng Anh Tuấn theo hợp đồng vay số 1207/2024/HDV ngày 12 tháng 07 năm 2024, thời hạn 06 tháng (đến ngày 12 tháng 01 năm 2025), khoản vay này không áp dụng lãi suất.

5.13.2 Vay quá hạn thanh toán

Khoản vay ông Trần Hoàng Anh Tuấn được trình bày ở Thuyết minh 5.13.1 đã quá hạn thanh toán.

5.14 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

| | Vốn góp của CSH VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|----------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2024 | 60.500.000.000 | 446.367.502 | 6.408.889.308 | 67.355.256.810 |
| Lãi trong năm | - | - | 65.111.617 | 65.111.617 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 60.500.000.000 | 446.367.502 | 6.474.000.925 | 67.420.368.427 |
| Tại ngày 01/01/2025 | 60.500.000.000 | 446.367.502 | 6.474.000.925 | 67.420.368.427 |
| Lỗ trong năm | - | - | (3.017.150.754) | (3.017.150.754) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 60.500.000.000 | 446.367.502 | 3.456.850.171 | 64.403.217.673 |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 thay đổi lần thứ 18 ngày 28 tháng 10 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 60.500.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

| Cổ đông | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Bà Bùi Thị Hải Yến | - | - | 13.469.480.000 | 22,26 |
| Ông Trần Hoàng Anh Tuấn | - | - | 10.440.520.000 | 17,26 |
| Ông Trần Hoàng Cường | - | - | 9.078.650.000 | 15,01 |
| Ông Nguyễn Thế Tài | - | - | 6.050.000.000 | 10,00 |
| Ông Nguyễn Quang Thời | 3.328.000.000 | 5,50 | - | - |
| Ông Trần Đăng Khoa | 3.328.000.000 | 5,50 | - | - |
| Ông Huỳnh Văn Phát | 12.104.480.000 | 20,01 | - | - |
| Các cổ đông khác | 41.739.520.000 | 68,99 | 21.461.350.000 | 35,47 |
| | 60.500.000.000 | 100,00 | 60.500.000.000 | 100,00 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cổ phiếu

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-------------------|-------------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.050.000 | 6.050.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.050.000 | 6.050.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.050.000 | 6.050.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.15 Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 84,35 | 186,63 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20.829.150 | 85.209.344.106 |
| | 20.829.150 | 85.209.344.106 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------|-----------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn hàng bán | - | 80.550.160.150 |
| | - | 80.550.160.150 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, cho vay | 98.504.894 | 1.131.894.646 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 14.491 | 1.026.673.613 |
| Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ | 70.509 | - |
| | 98.589.894 | 2.158.568.259 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------------|-----------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | - | 722.631.153 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | 103.942.848 |
| | - | 826.574.001 |

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------|-------------------|----------------------|
| Chi phí hoa hồng môi giới | - | 3.494.950.130 |
| Chi phí bán hàng khác | 48.000.000 | 100.782.300 |
| | 48.000.000 | 3.595.732.430 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 358.076.029 | 646.363.676 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 1.938.270.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 406.276.749 | 1.472.329.671 |
| Chi phí bằng tiền khác | 300.469.193 | 34.565.551 |
| | 3.064.003.971 | 2.190.795.262 |

6.7 Chi phí khác

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phí trả chậm | 1.842.800 | - |
| Phạt vi phạm hành chính, thuế | 20.727.187 | 13.818.683 |
| Các khoản chi phí khác | 1.878.240 | 20.212 |
| | 24.448.227 | 13.838.895 |

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (3.017.150.754) | 65.111.617 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | | |
| - Quý khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (3.017.150.754) | 65.111.617 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 6.050.000 | 6.050.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (499) | 11 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 358.076.029 | 646.363.676 |
| Chi phí dự phòng | 1.938.270.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 512.188.749 | 5.068.062.101 |
| Chi phí bằng tiền khác | 303.469.193 | 72.101.915 |
| | 3.112.003.971 | 5.786.527.692 |

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|--------------------|-----------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 120.000.000 | 14.969.000.000 |
| | 120.000.000 | 14.969.000.000 |

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|--------------------|-----------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 120.000.000 | 26.533.806.959 |
| | 120.000.000 | 26.533.806.959 |

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, cho vay, đầu tư dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1 Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | |
| Phải trả người bán | 431.662.426 | - | 431.662.426 |
| Chi phí phải trả | 200.000.000 | - | 200.000.000 |
| Vay | 3.500.000.000 | - | 3.500.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 5.041.519.000 | - | 5.041.519.000 |
| | 9.173.181.426 | - | 9.173.181.426 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | |
| Phải trả người bán | 100.978.979 | - | 100.978.979 |
| Chi phí phải trả | 276.829.745 | - | 276.829.745 |
| Vay | 3.500.000.000 | - | 3.500.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | - | - | - |
| | 3.877.808.724 | - | 3.877.808.724 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 618.465.399 | 61.749.541 | 618.465.399 | 61.749.541 |
| Cho vay | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 119.720.400 | 254.720.400 | 119.720.400 | 254.720.400 |
| Các khoản phải thu khác | 5.644.176.916 | 1.579.037.033 | 5.644.176.916 | 1.579.037.033 |
| | 73.382.362.715 | 68.895.506.974 | 73.382.362.715 | 68.895.506.974 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 431.662.426 | 100.978.979 | 431.662.426 | 100.978.979 |
| Chi phí phải trả | 200.000.000 | 276.829.745 | 200.000.000 | 276.829.745 |
| Vay | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 5.041.519.000 | - | 5.041.519.000 | - |
| | 9.173.181.426 | 3.877.808.724 | 9.173.181.426 | 3.877.808.724 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Quản lý điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

| | | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Tạm ứng | - | 13.500.000.000 |
| | Thu hồi tạm ứng | - | 13.500.000.000 |
| Bà Võ Ngọc Phương Thảo | Vay | 120.000.000 | - |
| | Trả nợ vay | 120.000.000 | - |
| | Được chi hộ | 15.000.000 | - |
| Ông Trần Hoàng Anh Tuấn | Mượn tiền | - | 3.500.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|------------------------|---|-----------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Tổng Giám đốc | - | 87.562.500 |
| Ông Trịnh Phương Anh | Kế toán trưởng (đến 11/11/2024) | - | 121.699.348 |
| Bà Trần Thị Thanh Nhân | Kế toán trưởng (từ 11/11/2024 đến 16/07/2025) | 12.631.578 | 8.421.052 |

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Vinh Khang | Mua hàng hoá, dịch vụ | - | 170.299.168 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội | Mua hàng hoá, dịch vụ | - | 19.802.382.950 |

Số dư các khoản phải thu / (phải trả) với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày tại các mục 5.13.

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là mua bán gạo và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, Toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản lỗ thuần 3.017.150.754 VND; dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 538.188.312 VND và công ty có khoản nợ vay quá hạn thanh toán là 3.500.000.000 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty như sau:

Cải thiện thanh khoản và chất lượng tài sản thông qua việc thu hồi các khoản tạm ứng, công nợ và cơ cấu lại danh mục đầu tư hiện hữu.

Tái khởi động hoạt động kinh doanh trên cơ sở lựa chọn các ngành nghề phù hợp với nguồn lực hiện tại, có khả năng quay vòng vốn và tạo doanh thu.

Từ 6 tháng cuối năm 2026, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động theo hướng thận trọng, bao gồm nghiên cứu bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản, chuẩn bị phương án tăng vốn và tiếp cận cơ hội hợp tác/ đầu tư vào các công ty dự án bất động sản phân khúc vừa và nhỏ.

Dựa trên các kế hoạch nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có dòng tiền đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn của Công ty trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính này. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

ĐỖ TẤN HÙNG
Người lập

ĐỖ TẤN HÙNG
Kế toán trưởng

TRẦN HOÀNG ANH TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

